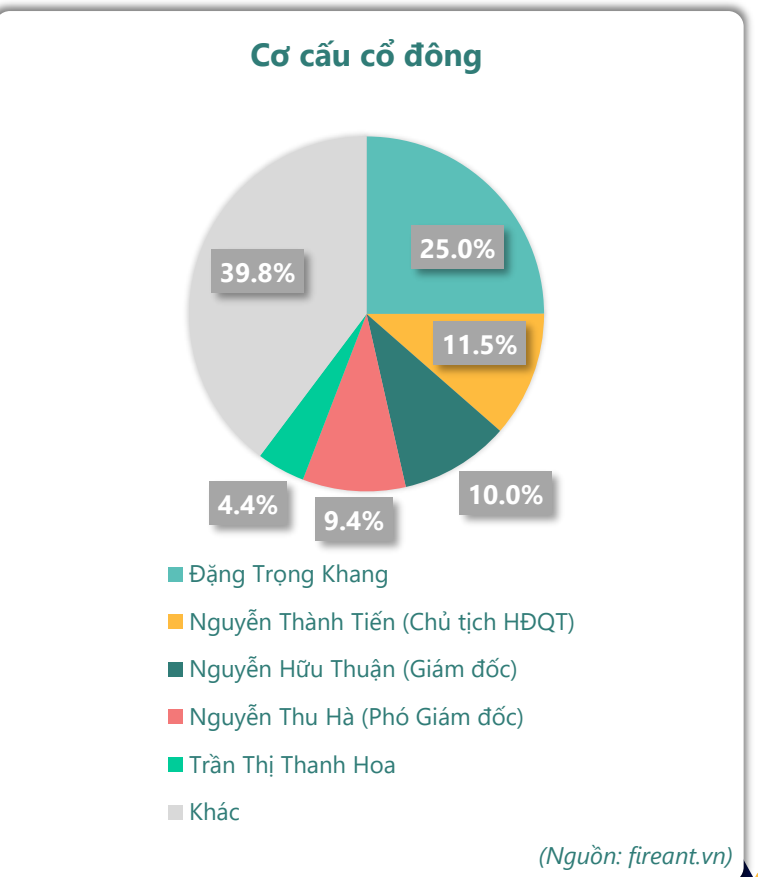
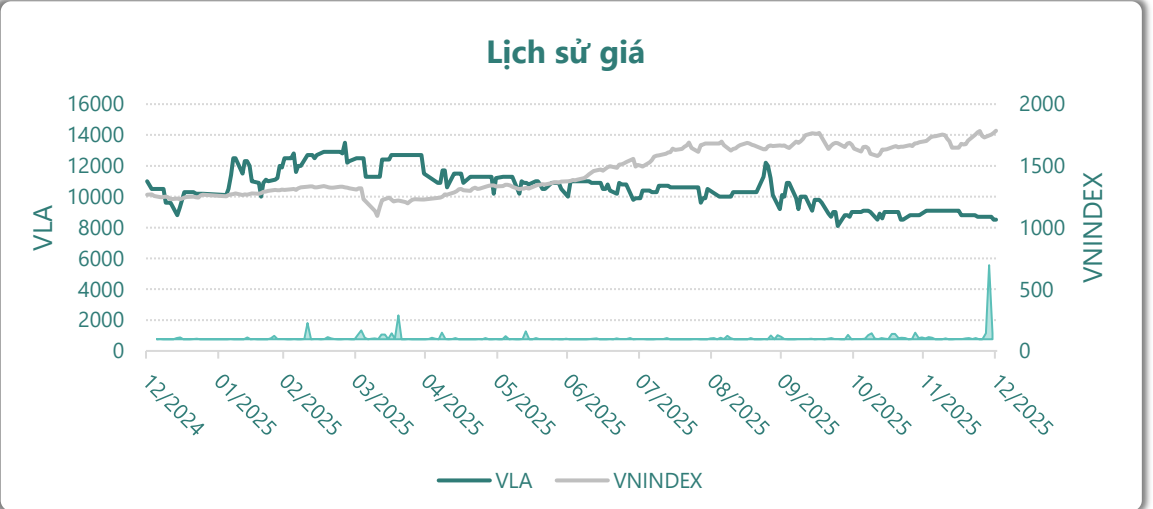
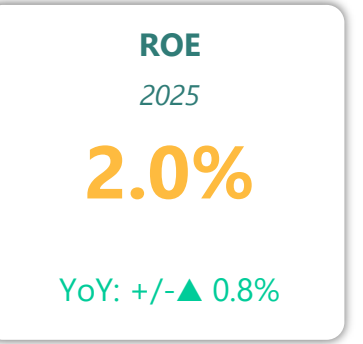
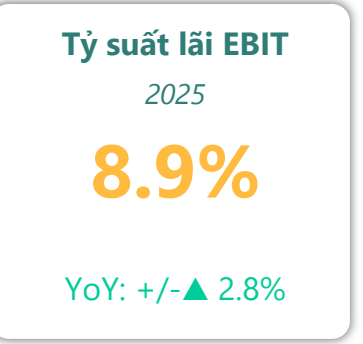
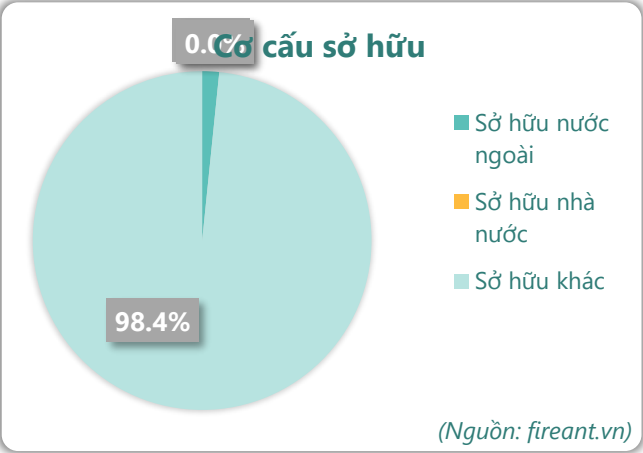


CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

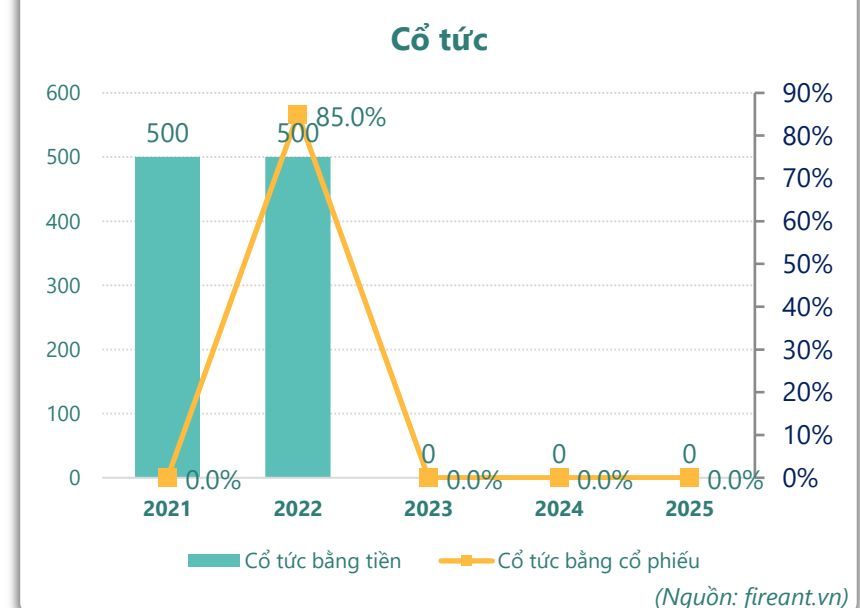
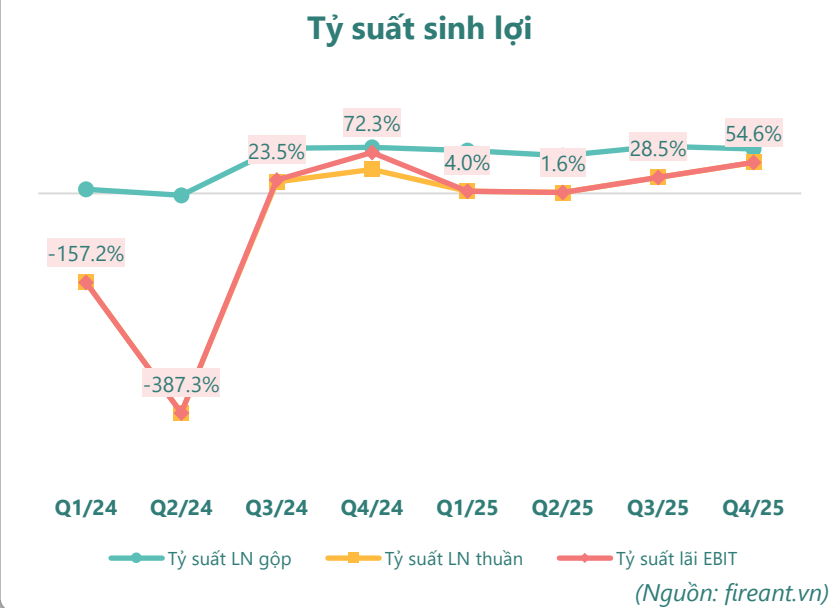
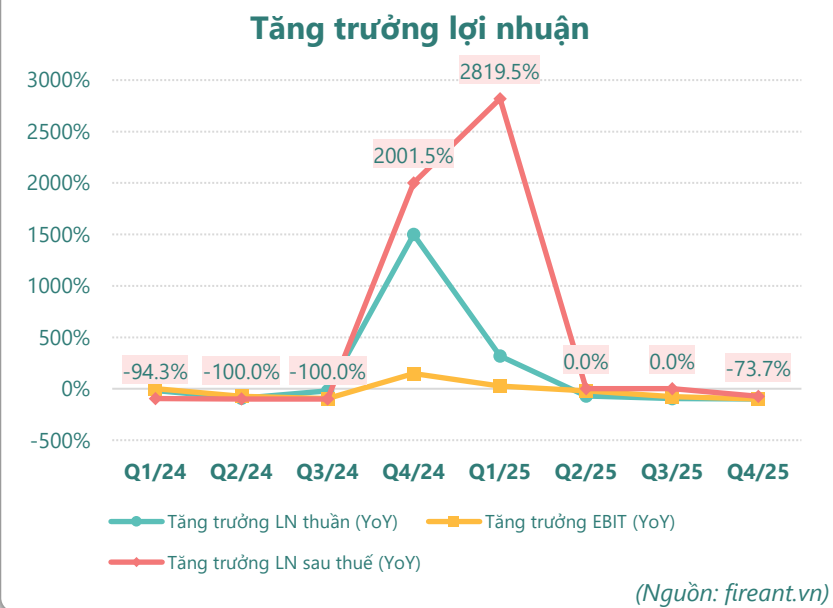
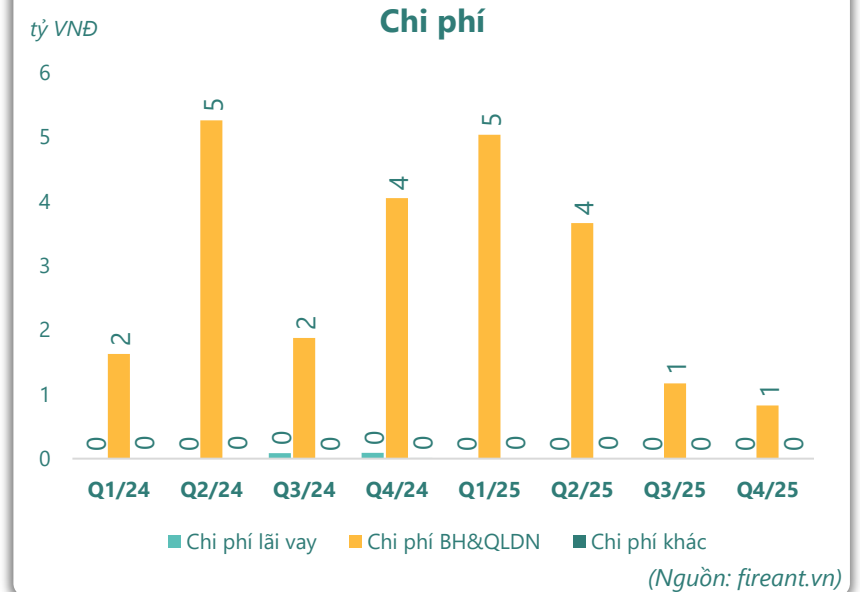
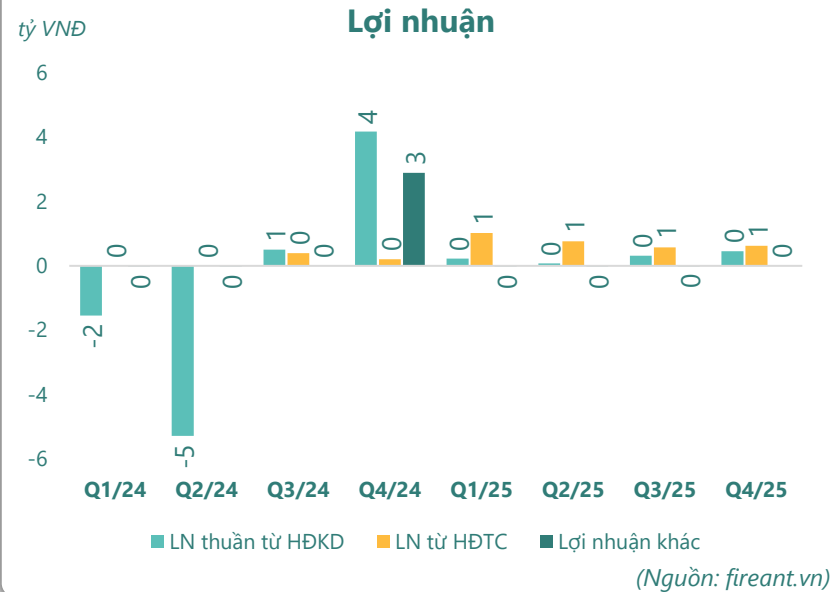
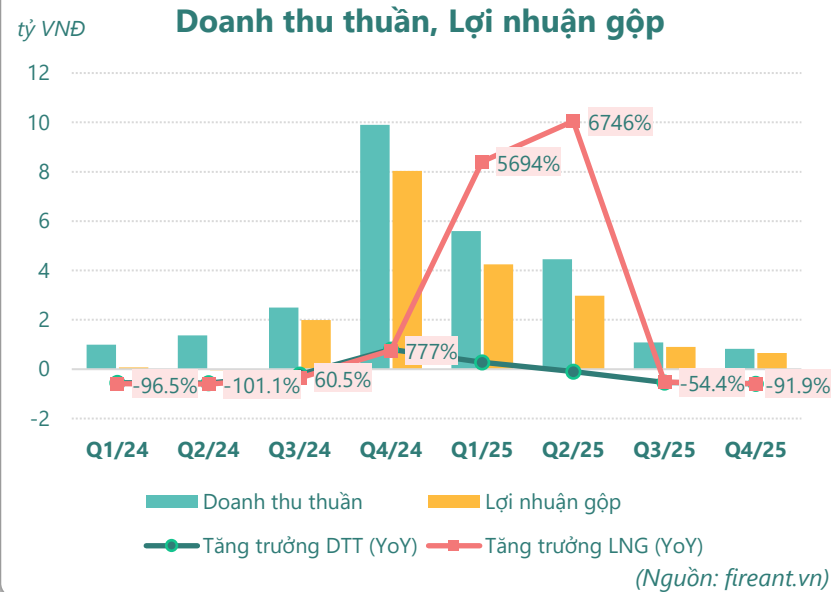
CTCP Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang

Ngày 31/12/2025	8,500 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-6.6%	-7.6%	-

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	8,100 - 13,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	34
Số lượng CPLH (CP)	3,995,996
KLGD BQ 20 phiên (CP)	160
Sở hữu nước ngoài	1.6%
Beta	(0.38)
EPS	219
P/E	38.8



KẾT QUẢ KINH DOANH

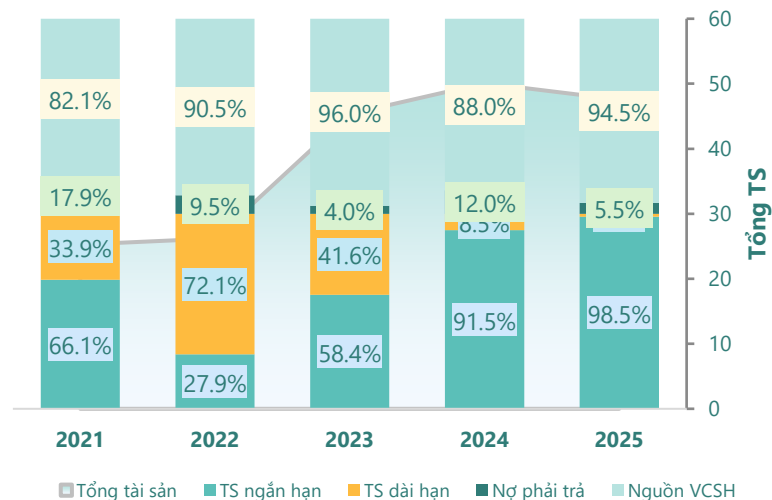




TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

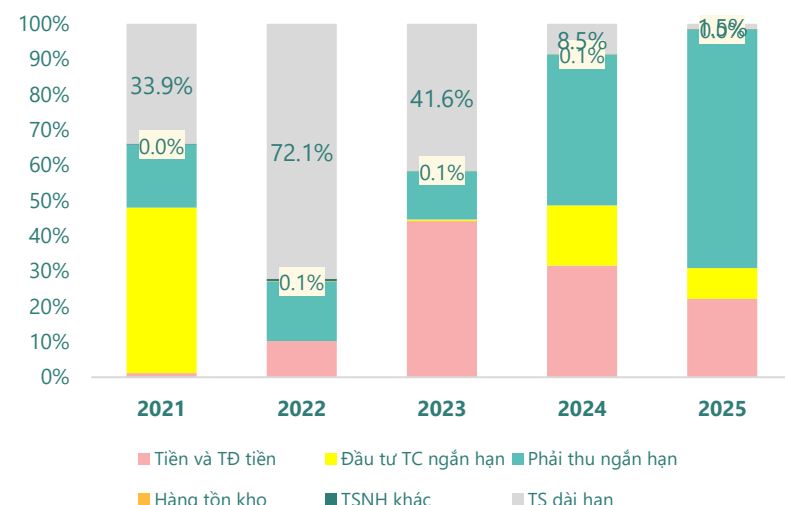
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

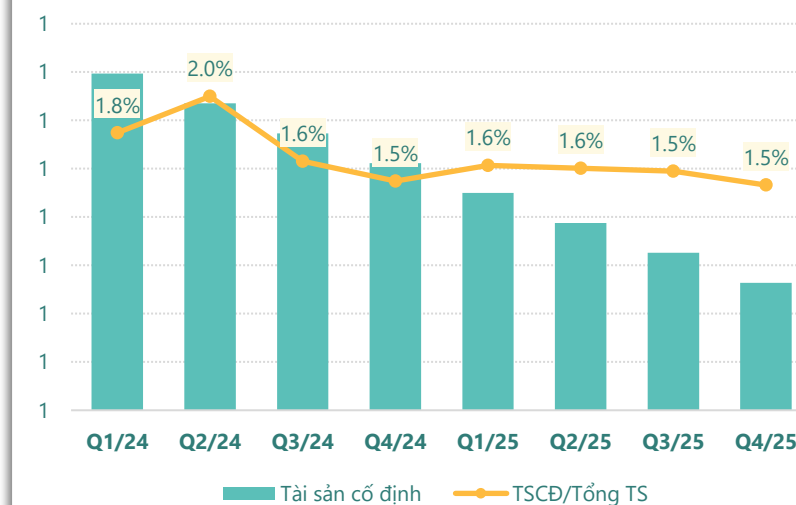
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

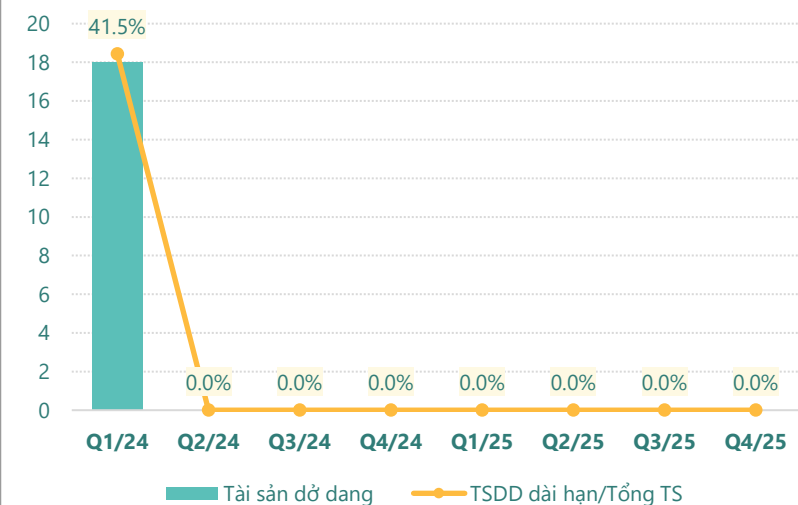
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

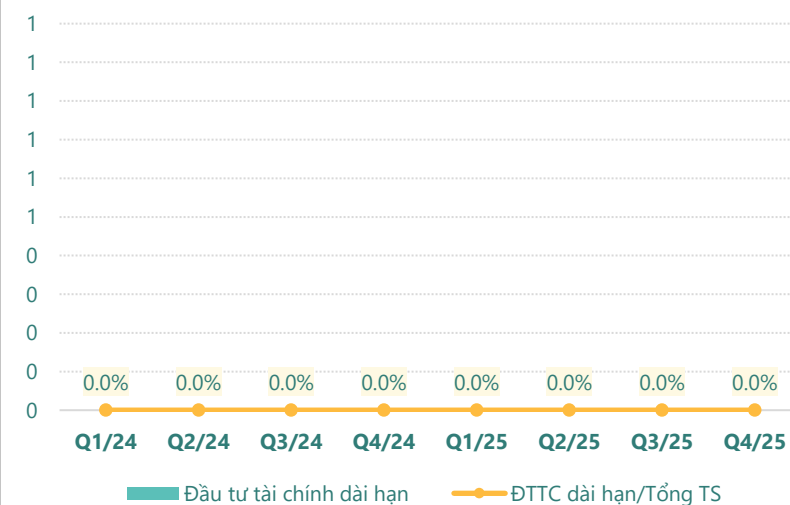
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

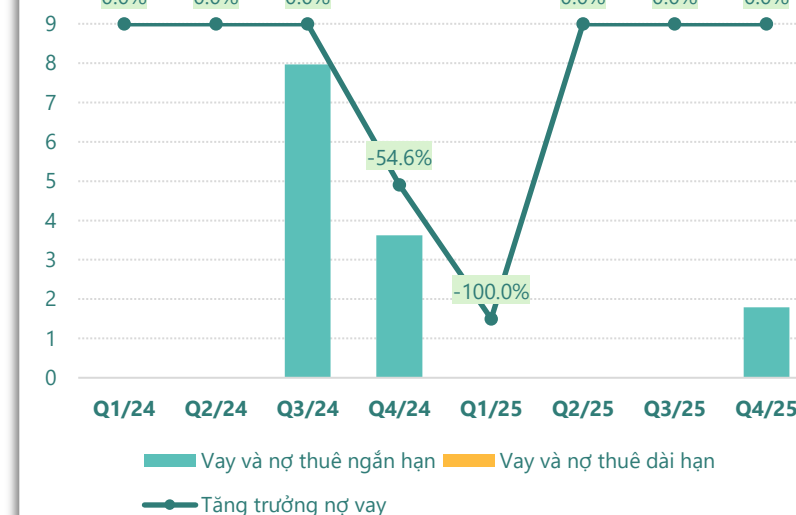
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

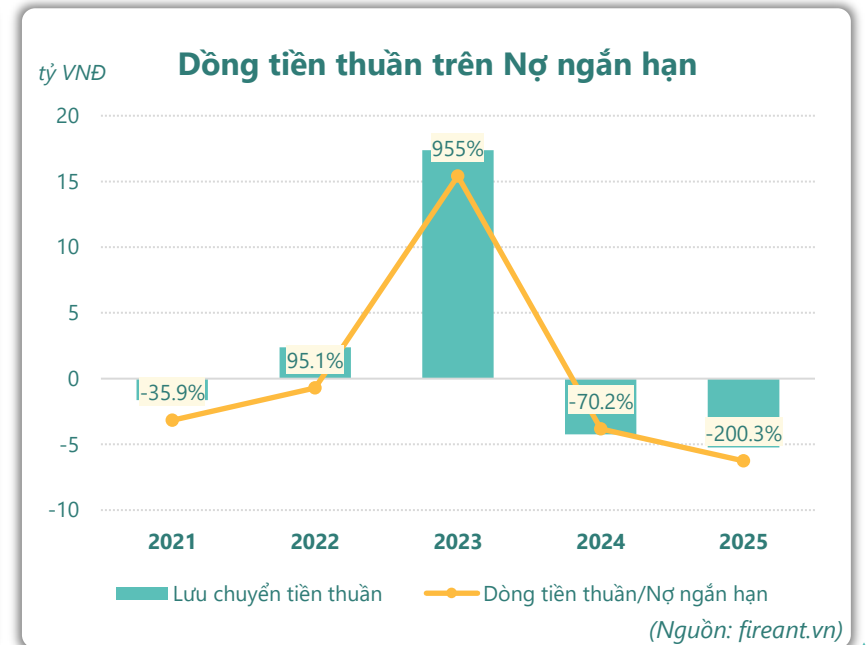
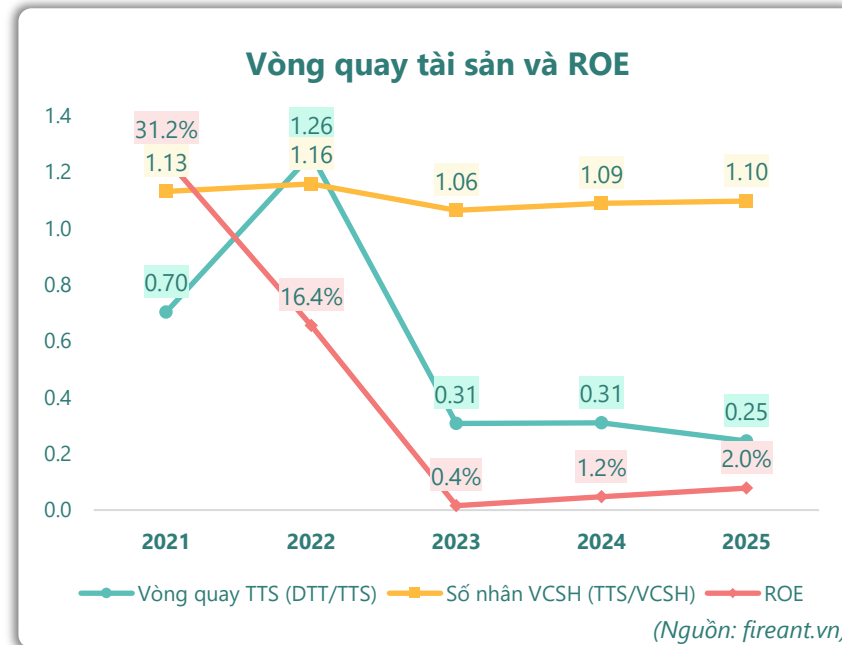
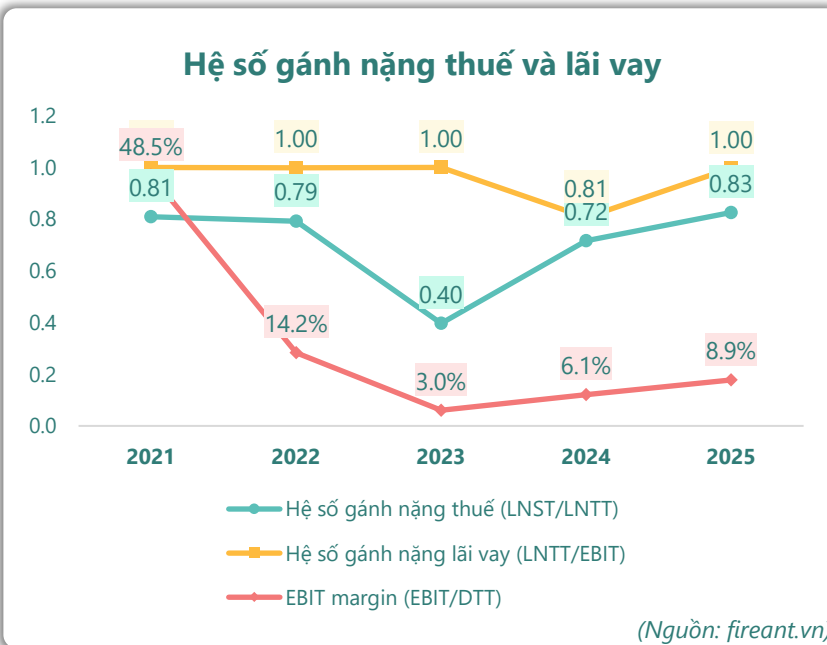
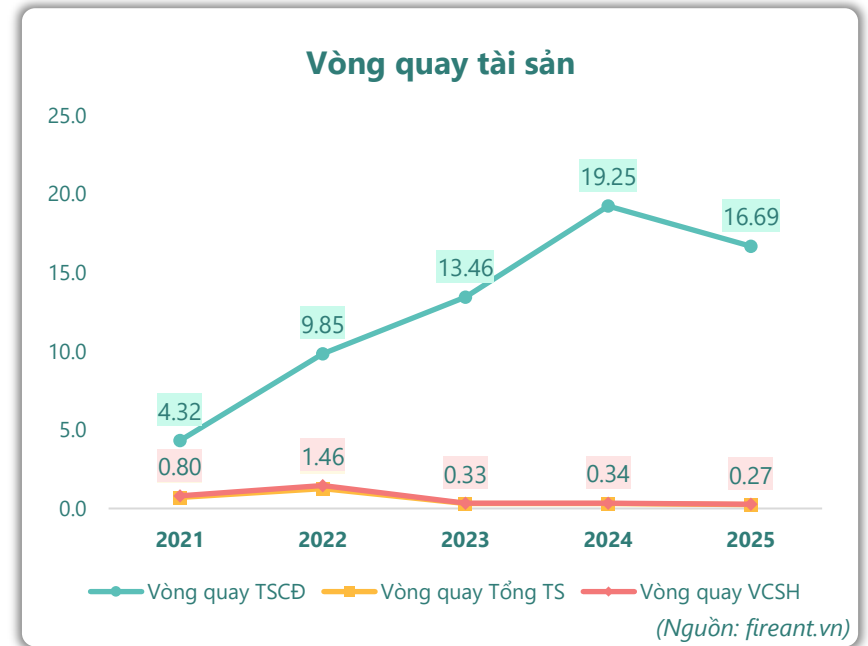
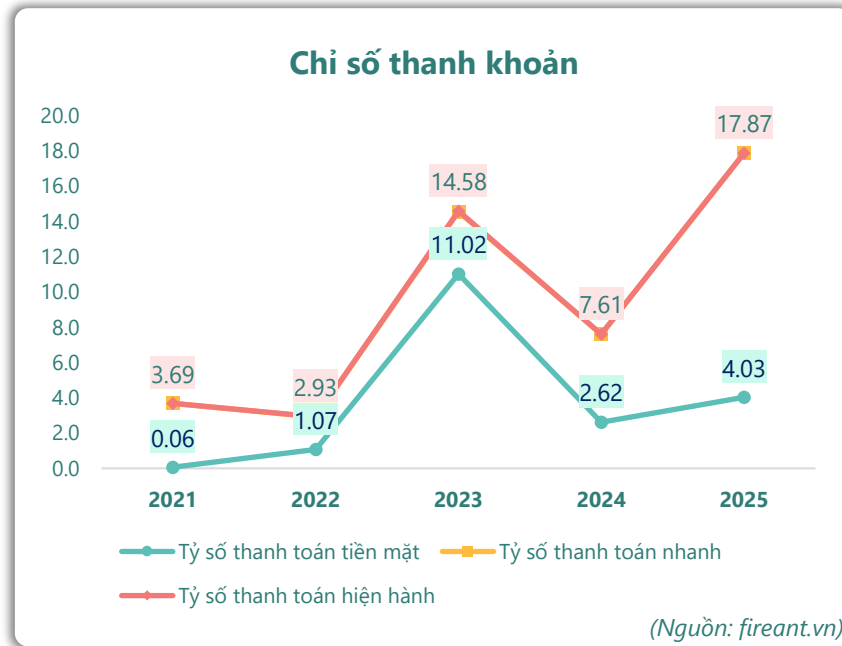
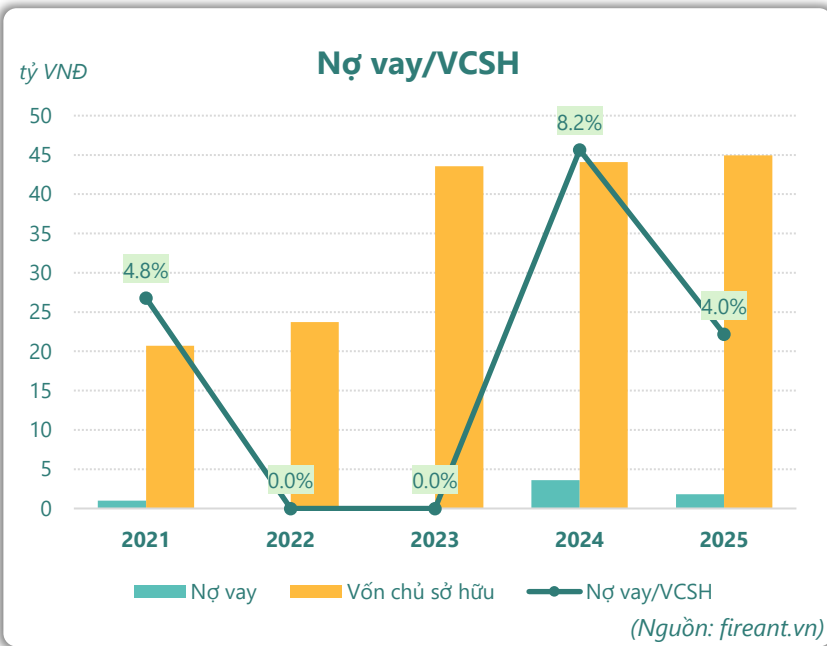
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	0.83	9.91	-91.6%	12.0	14.8	-18.9%
Giá vốn hàng bán	0.18	1.87	-90.6%	3.19	4.71	-32.2%
Lợi nhuận gộp	0.65	8.04	-91.9%	8.78	10.1	-12.6%
Doanh thu HĐTC	0.97	0.95	1.8%	3.15	1.85	70.2%
Chi phí TC	0.34	0.75	-54.4%	0.17	1.24	-86.6%
Chi phí lãi vay	0	0.09	-100%	0.00	0.17	-98.1%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.34	3.44	-90.2%	8.51	10.2	-16.3%
Chi phí QLDN	0.49	0.61	-20.1%	2.19	2.66	-17.5%
LN thuần từ HĐKD	0.45	4.18	-89.2%	1.07	-2.16	149%
Lợi nhuận khác	0.00	2.89	-100.0%	-0.01	2.88	-100%
LN trước thuế	0.45	7.07	-93.6%	1.06	0.72	46.9%
Lợi nhuận sau thuế	0.40	6.86	-94.2%	0.87	0.52	69.3%
LNST của CĐ cty mẹ	0.40	6.86	-94.2%	0.87	0.52	69.3%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-7.54	12.3	1.17	0.12	-6.23	-4.20
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.01	1.11	0	1.13	1.87	2.73
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	7.97	-4.35	-3.62	0	0	1.79
Tiền đầu kỳ	6.29	6.71	15.8	13.4	14.6	10.2
Lưu chuyển tiền thuần	0.42	9.10	-2.45	1.25	-4.37	0.32
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	6.71	15.8	13.4	14.6	10.2	10.6

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	47.6	50.1	-5.0%
Tài sản ngắn hạn	46.8	45.8	2.1%
Tiền và tương đương tiền	10.6	15.8	-33.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	4.13	8.55	-51.7%
Phải thu ngắn hạn	32.1	21.4	49.9%
Hàng tồn kho	0.01	0.04	-86.3%
Tài sản ngắn hạn khác	0.02	0.03	-27.2%
Tài sản dài hạn	0.74	4.25	-82.6%
Phải thu dài hạn	0.01	3.45	-99.6%
Tài sản cố định	0.69	0.74	-6.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.03	0.05	-44.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2.62	6.02	-56.5%
Nợ ngắn hạn	2.62	6.02	-56.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1.79	3.62	-50.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	0.08	0.94	-91.0%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	44.9	44.1	2.0%
Vốn chủ sở hữu	44.9	44.1	2.0%
Vốn điều lệ	40.0	40.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

